

Bản án số: 238/2025/DS-ST

Ngày: 10 - 6 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân chính thức:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến.

2. Ông Nguyễn Vi Tường Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 608/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2025/QĐHPT-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Trụ sở: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 04/4/2024)

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Thường trú: Số B đường H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/02/2023, Công ty T (Việt Nam), (gọi tắt là Công ty T) ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4288344 về việc cấp tín dụng cho ông Phạm

Ngọc V với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết, công ty đã giải ngân và chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông V số tiền 32.310.000 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng, ông V có nghĩa vụ trả góp hàng tháng số tiền gốc, lãi với là 1.908.081 đồng, trong kỳ hạn 35 tháng, kể từ ngày 05/03/2023 đến ngày 05/01/2026, theo mức lãi suất là 58%/năm.

Sau khi giải ngân, đến nay ông Phạm Ngọc V chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty T được 8 kỳ với số tiền là 16.424.480 đồng, trong đó nợ gốc là 3.969.092 đồng, lãi trong hạn là 12.322.403 đồng, phí 96.000 đồng, lãi chậm trả 36.985 đồng. Từ ngày 17/10/2023 đến nay, ông V không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Công ty đã nhắc nợ nhiều lần để yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông V biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông V vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty T.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc V thanh toán cho Công ty T số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2025 là 59.360.612 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 28.340.908 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 20.150.094 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 9.127.159 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 1.742.415 đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông V đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa,

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Phước Quỳnh G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều

227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4288344 ngày 12/02/2023 giữa Công ty T và ông V, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Xét Giấy ủy quyền số 06/2024/GUQ-MAFC ngày 02/04/2024 của Công ty T (Việt Nam) ủy quyền cho Công ty L và Giấy ủy quyền ngày 04/04/2024 của Công ty L1 Tin cho bà Nguyễn Phước Q Giao tham gia tố tụng giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, theo kết quả xác minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh “*Đương sự Phạm Ngọc V, sinh năm 1968 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 2 H, Phường A, Quận A. Hiện đã chuyển nơi khác sinh sống từ tháng 12/2023 đến nay, đi đâu không rõ địa chỉ*”. Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú*”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Ngọc V đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả nợ gốc với số tiền 28.340.908 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Tại khoản 3.1 và 3.6 mục 3 phần B của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận như sau: Hàng tháng ông V có nghĩa vụ trả số tiền theo quy định thanh toán của Công ty T, trong kỳ hạn 35 tháng, kể từ ngày 05/03/2023 đến ngày 05/01/2026.

Mặc dù chưa hết thời hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, tuy nhiên ông V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc của mỗi kỳ thanh toán và tính đến ngày 13/05/2025, ông V còn nợ Công ty T số tiền nợ gốc là 28.340.908 đồng là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2]. Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi

Tại Mục 3.7 và 3.8 Điều 1 của Khoản 3 Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/02/2023 thì các bên thỏa thuận: Lãi suất trong hạn là 58%/năm, lãi suất quá hạn là mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, do ông Vũ C thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Công ty T yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tạm tính đến ngày 13/5/2025 lãi là 31.019.668 đồng, trong đó bao gồm lãi trong hạn là 20.150.094 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.127.159 đồng, tiền lãi chậm trả 1.742.415 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 14/5/2025 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4288344 ngày 12/02/2023.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Phạm Ngọc V có nghĩa vụ trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2025 là 59.360.612 (Năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm mười hai) đồng, trong đó nợ gốc là 28.340.908 (Hai tám triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, chín trăm linh tám) đồng, tiền lãi trong hạn 20.150.094 (Hai mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn, không trăm chín mươi bốn) đồng, tiền lãi quá hạn 9.127.159 (Chín triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi chín) đồng, tiền lãi chậm trả 1.742.451 (Một triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi mốt) đồng .

2. Tiền lãi sẽ tiếp tục tính từ ngày 14/5/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận mà các bên đã thỏa thuận tại trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4288344 ngày 12/02/2023.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 2.968.031 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm ba mươi mốt) đồng, ông Phạm Ngọc V chịu.

Công ty T (Việt Nam) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 931.408 đồng (Chín trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm linh tám) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0075002 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phương Lan